|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD& ĐT THANH HÓA** | **ĐỀ THI THỬ TN THPT QG LẦN THỨ 2****MÔN: Địa lý***Thời gian làm bài: 50 phút* |

**Câu 1:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất lớn nhất?

 **A.** Ninh Bình. **B.** Uông Bí. **C.** Na Dương. **D.** Phả Lại.

**Câu 2:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết điểm công nghiệp nào dưới đây có ngành luyện kim màu?

 **A.** Quỳnh Lưu. **B.** Hà Giang. **C.** Tĩnh Túc. **D.** Quỳ Châu.

**Câu 3:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quần đảo nào sau đây có sân bay?

 **A.** Nam Du. **B.** Thổ Chu. **C.** Côn Sơn. **D.** An Thới.

**Câu 4:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết tỉnh nào sau đây có ngành công nghiệp khai thác khí tự nhiên?

 **A.** Hải Phòng. **B.** Thái Bình. **C.** Quảng Ninh. **D.** Nam Định.

**Câu 5:** Bão ở nước ta thường đi kèm với

 **A.** hạn hán. **B.** rét hại. **C.** mưa lớn. **D.** sóng thần.

**Câu 6:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?

 **A.** Sông Cả. **B.** Sông Mã. **C.** Đồng Nai. **D.** Thái Bình.

**Câu 7:** Biện pháp bảo vệ đất ở vùng đồi núi nước ta là

 **A.** đẩy mạnh tăng vụ. **B.** phát triển thủy lợi.

 **C.** tăng cường bón phân. **D.** trồng cây theo băng.

**Câu 8:** Căn cứ vào Atlat Địa li Việt Nam trang 4 – 5, cho biết đảo Phú Quốc thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Cà Mau. **B.** Trà Vinh. **C.** Kiên Giang. **D.** An Giang.

**Câu 9:** Thế mạnh nổi bật trong sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là

 **A.** cây dược liệu ôn đới. **B.** các cây trồng vụ đông.

 **C.** sản xuất cây công nghiệp. **D.** chăn nuôi gia súc ăn cỏ.

**Câu 10:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết gà được nuôi ở tỉnh nào dưới đây?

 **A.** Phú Yên. **B.** Khánh Hòa. **C.** Ninh Thuận. **D.** Quảng Ngãi.

**Câu 11:** Căn vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất nước ta?

 **A.** Bình Phước. **B.** Đắk Lắk. **C.** Lâm Đồng. **D.** Bình Dương.

**Câu 12:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng XI?

 **A.** Cần Thơ. **B.** Trường Sa. **C.** Thanh Hóa. **D.** Hoàng Sa.

**Câu 13:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết cao nguyên nào sau đây có độ cao lớn nhất?

 **A.** Đắk Lắk. **B.** Lâm Viên. **C.** Mơ Nông. **D.** Kon Tum.

**Câu 14:** Căn cứ vào Atlat Địa lí trang 15, cho biết tỉnh nào sau đây có mật độ dân số dưới 50 người/km?

 **A.** Lạng Sơn. **B.** Phú Thọ. **C.** Bắc Giang. **D.** Vĩnh Phúc.

**Câu 15:** Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có cơ cấu ngành đa dạng nhất?

 **A.** Rạch Giá. **B.** Cà Mau. **C.** Sóc Trăng. **D.** Long Xuyên.

**Câu 16:** Ngành nào sau đây là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay?

 **A.** Hóa chất. **B.** Đóng tàu. **C.** Luyện kim đen. **D.** Luyện kim màu.

**Câu 17:** Cho bảng số liệu:

**LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG VÀ LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A**

**GIAI ĐOẠN 2010 – 2019**

*(Đơn vị: Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2017** | **2019** |
| Lực lượng lao động | 116528 | 122380 | 128063 | 131006 |
| Lao động có việc làm | 108208 | 114819 | 121022 | 124005 |

Theo bảng số liệu, cho biết năm nào sau đây In-đô-nê-xi-a có tỉ lệ lao động có việc làm cao nhất?

 **A.** Năm 2015. **B.** Năm 2017. **C.** Năm 2019. **D.** Năm 2010.

**Câu 18:** Sản phẩm nào sau đây ở nước ta thuộc Công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi?

 **A.** Nước mắm. **B.** Rượu, bia. **C.** Gạo, ngô. **D.** Thịt hộp.

**Câu 19:** Cho biểu đồ:



**GDP CỦA VIỆT NAM, THÁI LAN VÀ MA-LAI-XI-A NĂM 2015 VÀ 2019**

*(Số liệu theo Niên giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh về GDP của Việt Nam, Thái Lan và Ma-lai-xi-a năm 2015 và 2018?

 **A.** GDP của Ma-lai-xi-a tăng nhanh hơn Việt Nam.

 **B.** GDP của Việt Nam tăng nhanh hơn Thái Lan.

 **C.** GDP của Thái Lan tăng chậm hơn Ma-lai-xi-a.

 **D.** GDP của Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam.

**Câu 20:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Thừa Thiên Huế. **B.** Quảng Bình. **C.** Hà Tĩnh. **D.** Quảng Trị.

**Câu 21:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết điểm du lịch hang Pắc Bó thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Cao Bằng. **B.** Bắc Kạn. **C.** Hà Giang. **D.** Lào Cai.

**Câu 22:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế?

 **A.** Hải Phòng. **B.** Hà Nội. **C.** Đà Nẵng. **D.** Hạ Long.

**Câu 23:** Các đô thị nước ta hiện nay có

 **A.** thiếu việc làm rất cao. **B.** mật độ dân số trung bình.

 **C.** khả năng thu hút đầu tư lớn. **D.** Cơ sở hạ tầng rất hoàn thiện.

**Câu 24:** Ngành vận tải hàng không ở nước ta hiện nay

 **A.** có khối lượng vận chuyển lớn nhất. **B.** hoàn toàn là đường bay nội địa.

 **C.** phân bố đồng đều trên cả nước. **D.** chủ yếu là vận chuyển hành khách.

**Câu 25:** (ID: 561359) Tài nguyên sinh vật biển của nước ta

 **A.** phong phú, giàu thành phần loài. **B.** tập trung chủ yếu ở vùng ven bờ.

 **C.** phân bố ở các cửa sông, vịnh biển. **D.** phân bố ở các đảo lớn ngoài khơi.

**Câu 26:** Nước ta nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa nên

 **A.** thiên nhiên phân hóa theo vĩ độ. **B.** tài nguyên sinh vật phong phú.

 **C.** thiên nhiên phân hóa theo mùa. **D.** tài nguyên khoáng sản đa dạng.

**Câu 27:** Biện pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng thủy sản khai thác ở nước ta hiện nay

 **A.** khai thác gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở ven bờ.

 **B.** mở rộng quy mô khai thác thủy sản ở khu vực ven bờ.

 **C.** phổ biến kinh nghiệm trang bị kiến thức cho ngư dân.

 **D.** đầu tư trang bị phương tiện hiện đại để khai thác xa bờ.

**Câu 28:** Để giải quyết vấn đề việc làm của nước ta hiện nay cần

 **A.** phát triển mạnh ngành chăn nuôi. **B.** tập trung vào phát triển công nghiệp.

 **C.** phát triển chủ yếu ngành dịch vụ. **D.** đa dạng hóa các hoạt động sản xuất.

**Câu 29:** Cây công nghiệp ở nước ta hiện nay cần

 **A.** hoàn toàn trồng ở vùng núi. **B.** chủ yếu là các cây hàng năm.

 **C.** có cơ cấu sản phẩm đa dạng. **D.** chỉ bao gồm các cây nhiệt đới.

**Câu 30:** Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của nước ta hiện nay

 **A.** hình thành khu chế xuất quy mô lớn. **B.** tốc độ chuyển dịch diễn ra chậm.

 **C.** chưa phân hóa theo không gian. **D.** chỉ phát triển các vùng chuyên canh.

**Câu 31:** Sản lượng tôm nuôi của Đồng bằng sông Cửu Long tăng mạnh trong thời gian gần đây chủ yếu do

 **A.** phát triển trang trại lớn, áp dụng kĩ thuật mới, mở rộng thị trường.

 **B.** diện tích biển rộng, khí hậu thuận lợi, công nghệ chế biến hiện đại.

 **C.** chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nhiều rừng ngập mặn, lao động dồi dào.

 **D.** thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh chế biến, nhiều cửa sông.

**Câu 32:** Sự xuất hiện của các sinh vật cận nhiệt ở miền Bắc và Đông Bắc Bộ chủ yếu do tác động kết hợp của

 **A.** sự phân hóa khí hậu theo mùa và theo độ cao. **B.** vị trí địa lí, địa hình và hoạt động của gió mùa.

 **C.** gió mùa Đông Bắc, hướng địa hình và đất đai. **D.** độ cao địa linh và sự đa dạng của các loại đất.

**Câu 33:** Lâm nghiệp là thế mạnh nổi bật ở vùng Tây Nguyên chủ yếu do

 **A.** rừng bảo vệ nhiều động vật hoang dã, cung cấp lâm sản.

 **B.** có lâm trường lớn, nhiều chim thú, dược liệu quý hiếm.

 **C.** rừng bảo vệ tài nguyên đất, cung cấp gỗ quý xuất khẩu.

 **D.** độ che phủ rừng cao, có ý nghĩa lớn về kinh tế, sinh thái.

**Câu 34:** Cho bảng số liệu:

**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

**Ở VIỆT NAM THỜI KỲ 2015 – 2020**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số dự án (dự án)** | **Vốn đăng kí (triệu USD)** |
| **2015** | 2120 | 24115 |
| **2017** | 2741 | 36368 |
| **2019** | 4028 | 38951 |
| **2020** | 2610 | 31045 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

 **A.** Đường. **B.** Miền. **C.** Kết hợp. **D.** Tròn.

**Câu 35:** Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

 **A.** tăng cường thủy lợi, bảo vệ rừng phòng hộ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

 **B.** tập trung thâm canh cây công nghiệp, tăng vụ, chủ động phòng chống bão.

 **C.** đẩy mạnh thâm canh lúa, sử dụng giống mới, chủ động phòng chống bão.

 **D.** đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất, tăng vụ, hình thành vùng chuyên canh lúa.

**Câu 36:** Du lịch biển ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển mạnh chủ yếu do

 **A.** Khí hậu cận xích đạo, nóng quanh năm, nhiều bãi tắm, thắng cảnh đẹp.

 **B.** đường bờ biển dài, nhiều vùng vịnh kín gió, nhiều đảo, bán đảo ven bờ.

 **C.** nhiều đảo, quần đảo với hệ sinh thái đa dạng, tiếp giáp vùng biển sâu.

 **D.** số giờ nắng cao, nhiều vùng vịnh, đầm phá, nhiều bãi tắm rộng nổi tiếng.

**Câu 37:** Diện tích lúa ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay có xu hướng ngày càng giảm chủ yếu do

 **A.** có nhiều thiên tai, gia tăng dân số quá nhanh, khai thác quá mức tài nguyên đất.

 **B.** công nghiệp phát triển nhanh, ô nhiễm môi trường đất, mở rộng nuôi thủy sản.

 **C.** suy thoái tài nguyên đất, chuyển đổi cơ cấu của vụ và lượng phù sa sông giảm.

 **D.** chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thay đổi cơ cấu cây trồng và ô nhiễm đất đai.

**Câu 38:** Cho biểu đồ về thủy sản nước ta giai đoạn 2013 - 2020:



*(Số liệu theo Niêm giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Biểu để thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản.

 **B.** Quy mô sản lượng thủy sản và giá trị xuất khẩu thủy sản.

 **C.** Thay đổi cơ cấu sản lượng và khẩu thủy sản.

 **D.** Quy mô, cơ cấu sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản.

**Câu 39:** Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác các thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

 **A.** thay đổi cơ cấu lao động, góp phần giải quyết việc làm.

 **B.** thu hút vốn đầu tư, khai thác triệt để nguồn tài nguyên.

 **C.** thay đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống.

 **D.** thúc đẩy nền kinh tế phát triển, sử dụng hợp lí lao động.

**Câu 40:** Hoạt động nội thương của nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu do

 **A.** sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống tăng. **B.** hội nhập quốc tế, tăng cường xuất nhập khẩu.

 **C.** mở rộng thu hút đầu tư, hội nhập với thế giới. **D.** dân số đông, chất lượng sống tăng rất nhanh.

**----------- HẾT ----------**

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.D** | **2.C** | **3.C** | **4.B** | **5.C** | **6.C** | **7.D** | **8.C** | **9.C** | **10.D** |
| **11.A** | **12.B** | **13.B** | **14.A** | **15.B** | **16.A** | **17.C** | **18.D** | **19.B** | **20.B** |
| **21.A** | **22.D** | **23.C** | **24.D** | **25.A** | **26.C** | **27.D** | **28.D** | **29.C** | **30.A** |
| **31.A** | **32.B** | **33.D** | **34.C** | **35.A** | **36.A** | **37.D** | **38.B** | **39.C** | **40.A** |

**Câu 1 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa Lí Việt Nam, trang 22.

**Cách giải:**

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, nhà máy nhiệt điện có công suất lớn nhất là Phả Lại.

**Chọn D.**

**Câu 2 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa Lí Việt Nam, trang 21.

**Cách giải:**

Căn cứ vào Atlat Địa Lí Việt Nam, trang 21, Điểm công nghiệp Tĩnh Túc có ngành luyện kim màu.

**Chọn C.**

**Câu 3 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa lí Việt Nam, trang 23.

**Cách giải:**

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, quần đảo Côn Sơn có sân bay.

**Chọn C.**

**Câu 4 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa lí Việt Nam, trang 26.

**Cách giải:**

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, ngành công nghiệp khai thác khí tự nhiên.

**Chọn B.**

**Câu 5 (NB):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài học: Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

**Cách giải:**

Bão ở nước ta thường đi kèm với sóng lừng, mưa lớn, nước dâng gây lũ lụt.

**Chọn C.**

**Câu 6 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa lí Việt Nam, trang 10.

**Cách giải:**

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hệ thống sông Đồng Nai có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất.

**Chọn C.**

**Câu 7 (VD):**

**Phương pháp:** Vận dụng kiến thức bài học: Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.

**Cách giải:**

Biện pháp bảo vệ đất ở vùng đồi núi nước ta là trồng cây theo băng.

**Chọn D.**

**Câu 8 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa li Việt Nam, trang 4 – 5.

**Cách giải:**

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, đảo Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang.

**Chọn C.**

**Câu 9 (TH):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài học: Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ.

**Cách giải:**

Thế mạnh nổi bật trong sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là sản xuất cây công nghiệp.

**Chọn C.**

**Câu 10 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa lí Việt Nam, trang 28.

**Cách giải:**

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, gà được nuôi ở tỉnh Quảng Ngãi.

**Chọn D.**

**Câu 11 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa lí Việt Nam, trang 19.

**Cách giải:**

Căn vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, tỉnh Bình Phước có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất nước ta.

**Chọn A.**

**Câu 12 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa lí Việt Nam, trang 9.

**Cách giải:**

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, trạm khí tượng có lượng mưa lớn nhất vào tháng XI.

**Chọn B.**

**Câu 13 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa lí Việt Nam, trang 14.

**Cách giải:**

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cao nguyên Lâm Viên có độ cao lớn nhất?

**Chọn B.**

**Câu 14 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa lí, trang 15.

**Cách giải:**

Căn cứ vào Atlat Địa lí trang 15, tỉnh Lạng Sơn có mật độ dân số dưới 50 người/km.

**Chọn A.**

**Câu 15 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa lý Việt Nam, trang 29.

**Cách giải:**

Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 29, trung tâm công nghiệp có cơ cấu ngành đa dạng nhất là Cà Mau.

**Chọn B.**

**Câu 16 (NB):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài học: Vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta.

**Cách giải:**

Hóa chất là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay.

**Chọn A.**

**Câu 17 (VD):**

**Phương pháp:** Xử lí số liệu.

**Cách giải:**

Áp dụng công thức tính tỉ lệ lao động có việc làm = lao động có việc làm /lực lượng lao động\*100%.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2017** | **2019** |
| Lực lượng lao động | 116528 | 122380 | 128063 | 131006 |
| Lao động có việc làm | 108208 | 114819 | 121022 | 124005 |
| Tỉ lệ lao động có việc làm | 92.86 | 93.82 | 94.50 | 94.66 |

Năm 2019 có tỉ lệ lao động có việc làm cao nhất.

**Chọn C.**

**Câu 18 (NB):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài học: Vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta.

**Cách giải:**

Thịt hộp là sản phẩm thuộc Công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi.

**Chọn D.**

**Câu 19 (VD):**

**Phương pháp:** Phân tích biểu đồ.

**Cách giải:**

GDP của Việt Nam năm 2015 - 2018 tăng 1,3 lần.GDP của Thái Lan năm 2015 - 2018 tăng 1,25 lần.GDP của Ma-lai-xi-a năm 2015 - 2018 tăng 1,2 lần.

=> GDP của Việt Nam tăng nhanh hơn Thái Lan.

**Chọn B.**

**Câu 20 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa lí Việt Nam, trang 27.

**Cách giải:**

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc tỉnh Quảng Bình.

**Chọn B.**

**Câu 21 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa lí Việt Nam, trang 25.

**Cách giải:**

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, điểm du lịch hang Pắc Bó thuộc tỉnh Cao Bằng.

**Chọn A.**

**Câu 22 (NB):**

**Phương pháp:** Atlat Địa lí Việt Nam, trang 17.

**Cách giải:**

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, trung tâm kinh tế Hạ Long có ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế.

**Chọn D.**

**Câu 23 (VD):**

**Phương pháp:** Vận dụng kiến thức bài học: Đô thị hóa.

**Cách giải:**

Các đô thị nước ta hiện nay có khả năng thu hút đầu tư lớn.

**Chọn C.**

**Câu 24 (VD):**

**Phương pháp:** Vận dụng kiến thức bài học: Vấn đề phát triển ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc.

**Cách giải:**

Ngành vận tải hàng không ở nước ta hiện nay chủ yếu là vận chuyển hành khách.

**Chọn D.**

**Câu 25 (NB):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài học: Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

**Cách giải:**

Tài nguyên sinh vật biển của nước ta phong phú, giàu thành phần loài.

**Chọn A.**

**Câu 26 (VD):**

**Phương pháp:** Vận dụng kiến thức bài học: Thiên nhiên phân hóa đa dạng.

**Cách giải:**

Nước ta nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa nên thiên nhiên phân hóa theo mùa.

**Chọn C.**

**Câu 27 (VD):**

**Phương pháp:** Vận dụng kiến thức bài học: Vấn đề phát triển ngành thủy sản và lâm nghiệp.

**Cách giải:**

Biện pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng thủy sản khai thác ở nước ta hiện nay là đầu tư trang bị phương tiện hiện đại để khai thác xa bờ.

**Chọn D.**

**Câu 28 (TH):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài học: Lao động và việc làm.

**Cách giải:**

Để giải quyết vấn đề việc làm của nước ta hiện nay cần đa dạng hóa các hoạt động sản xuất.

**Chọn D.**

**Câu 29 (TH):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài học: Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp.

**Cách giải:**

Cây công nghiệp ở nước ta hiện nay cần có cơ cấu sản phẩm đa dạng.

**Chọn C.**

**Câu 30 (TH):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài học: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Cách giải:**

Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của nước ta hiện nay hình thành khu chế xuất quy mô lớn.

**Chọn A.**

**Câu 31 (VD):**

**Phương pháp:** Vận dụng kiến thức bài học: Vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long.

**Cách giải:**

Sản lượng tôm nuôi của Đồng bằng sông Cửu Long tăng mạnh trong thời gian gần đây chủ yếu do phát triển trang trại lớn, áp dụng kĩ thuật mới, mở rộng thị trường.

**Chọn A.**

**Câu 32 (VDC):**

**Phương pháp:** Vận dụng kiến thức tổng hợp của phần Địa lí tự nhiên.

**Cách giải:**

Sự xuất hiện của các sinh vật cận nhiệt ở miền Bắc và Đông Bắc Bộ chủ yếu do tác động kết hợp của vị trí địa lí, địa hình và hoạt động của gió mùa.

**Chọn B.**

**Câu 33 (VD):**

**Phương pháp:** Vận dụng kiến thức bài học: Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên.

**Cách giải:**

Lâm nghiệp là thế mạnh nổi bật ở vùng Tây Nguyên chủ yếu do độ che phủ rừng cao, có ý nghĩa lớn về kinh tế, sinh thái.

**Chọn D.**

**Câu 34 (VD):**

**Phương pháp:** Nhận dạng biểu đồ.

**Cách giải:**

Theo bảng số liệu, để thể hiện số dự án và vốn đăng ký của nước ngoài được cấp phép nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ kết hợp.

**Chọn C.**

**Câu 35 (TH):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài học: Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ.

**Cách giải:**

Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là tăng cường thủy lợi, bảo vệ rừng phòng hộ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

**Chọn A.**

**Câu 36 (VD):**

**Phương pháp:** Vận dụng kiến thức bài học: Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Cách giải:**

Du lịch biển ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển mạnh chủ yếu do khí hậu cận xích đạo, nóng quanh năm, nhiều bãi tắm, thắng cảnh đẹp.

**Chọn A.**

**Câu 37 (VD):**

**Phương pháp:** Vận dụng kiến thức bài học: Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng.

**Cách giải:**

Diện tích lúa ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay có xu hướng ngày càng giảm chủ yếu do chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thay đổi cơ cấu cây trồng và ô nhiễm đất đai.

**Chọn D.**

**Câu 38 (VD):**

**Phương pháp:** Phân tích biểu đồ.

**Cách giải:**

Biểu đồ thể hiện sản lượng thủy sản giai đoạn 2013 – 2020 (Nghìn tấn). Đây cũng chính là quy mô sản lượng thủy sản. Biểu đồ thể hiện giá trị xuất khẩu giai đoạn 2013 – 2020 (triệu USD).

**Chọn B.**

**Câu 39 (TH):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài học: Vấn đề khai thác các thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Cách giải:**

Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác các thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là thay đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Chọn C.**

**Câu 40 (TH):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài học: Vấn đề phát triển thương mại, du lịch.

**Cách giải:**

Hoạt động nội thương của nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu do sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống tăng.

**Chọn A.**